

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1703/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2013, Báo cáo thẩm định số 86/BC-BXD ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch có diện tích khoảng 67.788 ha, bao gồm: Thành phố Quy Nhơn hiện hữu diện tích khoảng 28.428 ha; huyện Tuy Phước có diện tích khoảng 21.677 ha; 02 xã Canh Vinh và Canh Hiền (huyện Vân Canh) có diện tích khoảng 13.634 ha; xã Cát Tiến, Cát Chánh và một phần xã Cát Hải (huyện Phù Cát) có diện tích khoảng 4.049 ha. Toàn bộ khu vực quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Phía Tây giáp thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Phía Đông giáp biển Đông.
- Phía Nam giáp thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

2. Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025; giai đoạn dài hạn: Đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch phát triển không gian thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận được đặt trong mối quan hệ không gian vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng của cảng Quy Nhơn và kết nối đồng bộ với không gian khu kinh tế Nhơn Hội.

- Kế thừa các đồ án quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tính khả thi.

4. Mục tiêu quy hoạch:

- Đến năm 2025 trở thành một trong các đô thị trung tâm của Vùng duyên hải miền Trung, có nền kinh tế phát triển theo định hướng công nghiệp - cảng biển - dịch vụ - du lịch.

- Đến năm 2035 là một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia; có nền kinh tế phát triển theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển.

- Đến năm 2050: Có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị quốc gia và khu vực Đông Nam Á, đóng vai trò là một trong những trung tâm phát triển lớn của khu vực Trung Bộ; có nền kinh tế phát triển theo định hướng du lịch - dịch vụ - cảng biển - công nghiệp, trọng tâm là du lịch - dịch vụ - cảng biển; có sức hút đầu tư lớn và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, du lịch, môi trường, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao....

5. Tính chất:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định.

- Là một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao thông đường thủy, giao thông đường bộ quan trọng của vùng Nam Trung bộ và là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông.

- Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

6. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2012 là 525.449 người, gồm: Thành phố Quy Nhơn là 311.113 người và vùng phụ cận là 214.336 người. Tỷ lệ đô thị hóa 56%.

- Dân số dự báo đến năm 2025: Khoảng 630.000 - 650.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 68 - 70%.

- Dân số dự báo đến năm 2035: Khoảng 740.000 - 770.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 72 - 74%.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến

- Đối với thành phố Quy Nhơn hiện hữu áp dụng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại I được quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ.

- Đối với vùng phụ cận áp dụng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo tính chất, quy mô, chức năng của từng khu vực phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

7. Các nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) Yêu cầu nghiên cứu:

- Về đánh giá hiện trạng

Đánh giá điều kiện tự nhiên về địa hình, cảnh quan, tài nguyên; rà soát, đánh giá công tác triển khai thực hiện theo các Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn, Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội, các quy hoạch ngành đã được phê duyệt và các dự án đầu tư xây dựng. Xác định nguyên nhân phát sinh các yếu tố mới và việc mở rộng phạm vi nghiên cứu để kết nối thành phố Quy Nhơn với vùng phụ cận.

- Về định hướng phát triển không gian đô thị, quy hoạch sử dụng đất thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.

Xác định các mối liên kết tương hỗ về không gian giữa thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận với hệ thống đô thị tỉnh Bình Định và các đô thị lớn trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên. Đặc biệt là mối quan hệ không gian giữa thành phố Quy Nhơn hiện hữu với Khu kinh tế Nhơn Hội và khu vực phụ cận thuộc huyện Tuy Phước, huyện Vân Canh.

Đề xuất mô hình phát triển, cấu trúc không gian đô thị, phân bố hệ thống trung tâm đô thị đảm bảo phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển, đặc thù đô thị biển.

Xác định quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của thành phố Quy Nhơn hiện hữu và vùng phụ cận. Xác định ngưỡng phát triển về quy mô dân số đối với khu vực nội thành phố Quy Nhơn; bảo tồn được không gian, kiến trúc, cảnh quan đặc thù của khu vực đô thị hiện hữu ven biển.

Định hướng cải tạo chỉnh trang khu vực thành phố Quy Nhơn hiện hữu. Lựa chọn quỹ đất và vị trí hợp lý để phát triển các khu đô thị mới, gắn với các khu chức năng động lực phát triển kinh tế biển.

Định hướng phát triển các khu vực nông thôn, đảm bảo liên kết đô thị - nông thôn gắn với đặc điểm sản xuất đặc thù của khu vực thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.

- Về thiết kế đô thị: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu đô thị hiện hữu và mở rộng.

- Về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Đề xuất quy mô và các giải pháp phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cấp vùng, cấp thành phố đảm bảo phát triển bền vững, gồm: Mạng lưới khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực làng nghề, dịch vụ hậu cần cảng; trung tâm dịch vụ - thương mại; hệ thống khu, cụm, điểm du lịch; các khu trung tâm hành chính tập trung; mạng lưới trung tâm y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể dục thể thao; nhà ở và phân bố dân cư; không gian xanh và các trung tâm chuyên ngành khác.

- Về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Đề xuất các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng trên quan điểm tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo an toàn về lũ, úng; phòng tránh các thiên tai,...

Đề xuất mạng lưới giao thông phù hợp với cấu trúc không gian thành phố Quy Nhơn mở rộng kết nối hợp lý với các đô thị khác trong vùng. Xác định các công trình giao thông đầu mối, các trung tâm tiếp vận và hậu cần vận tải. Xây dựng hệ thống cụm cảng Quy Nhơn và hệ thống kho bãi hậu cần cảng; hệ thống giao thông đường sắt và hệ thống ga, kho bãi hậu cần ga; hệ thống giao thông đường bộ; giao thông công cộng thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng...

Giải pháp cấp nước về nguồn và mạng lưới đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, tái sử dụng nguồn nước.

Giải pháp cấp điện và chiếu sáng đô thị đảm bảo tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả; nghiên cứu đề xuất các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác (năng lượng mặt trời ...).

Các giải pháp thoát nước thải và thu gom xử lý chất thải rắn đảm bảo áp dụng kỹ thuật hiện đại, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên và cảnh quan đô thị.

Vị trí và quy mô các nghĩa trang phù hợp địa hình tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị.

- Về đánh giá môi trường chiến lược: Giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái biển; các khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung.

8. Thành phần hồ sơ, sản phẩm

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

- Tư vấn lập quy hoạch: Tư vấn trong nước phối hợp với tư vấn nước ngoài.

- Thời gian thực hiện: Không quá 12 tháng kể từ khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch; lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường,
- Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, V.III;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).KN 35

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1514/SY-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 9 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở XD, KH&ĐT, TC, TN&MT, GTVT, CT, NN&PTNT, VH&DL, GD&ĐT, YT, TT&TT, LĐTB&XH, BQLKKT tỉnh;
- UBND TPQN và UBND các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Văn Canh;
- Lãnh đạo VP, K14;
- Lưu: VT (28b)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận